

CẢI CÁCH, NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỨC CẠNH TRANH CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

MỤC LỤC

PHẦN I – VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

- 1- Quan niệm hiện nay về doanh nghiệp nhà nước
- 2- Doanh nghiệp Nhà nước là một bộ phận cấu thành của Kinh tế Nhà nước
- 3 - Vai trò của doanh nghiệp nhà nước chưa tương xứng với tiềm năng và đầu tư của Nhà nước

PHẦN II – ĐẨY NHANH TIẾN TRÌNH SẮP XẾP, ĐỔI MỚI VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ, SỨC CẠNH TRANH CỦA DNNN

- 1 - Xác định lại phạm vi và qui mô doanh nghiệp nhà nước
- 2 - Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước đảm bảo định hướng có hiệu quả, không thất thoát, không phải là tư nhân hoá
 - 2.1- *Cổ phần hoá không phải là tư nhân hoá*
 - 2.2- *Cổ phần hoá giảm thiểu thất thoát tài sản của Nhà nước*
- 3 - Hướng cơ bản trong sắp xếp đổi mới doanh nghiệp nhà nước đến 2010

PHẦN III – MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA DNNN

- 1 – Những khó khăn của doanh nghiệp nhà nước cần tháo gỡ
- 2 – Những giải pháp để nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước
 - 2.1- *Đối với Nhà nước với tư cách là chủ sở hữu*
 - 2.2- *Đối với doanh nghiệp*

LỜI KẾT

Trong quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang kinh tế thị trường, các nước đều phải đối mặt với một loạt vấn đề. Trong đó, xử lý những hậu quả do quá khứ để lại đã khó, thì việc lựa chọn những phương án mới, mô hình mới cho doanh nghiệp nhà nước trong tương lai còn khó hơn. Các nước Đông Âu, Liên Xô sau khi thể chế chính trị sụp đổ, doanh nghiệp nhà nước được chuyển đổi theo “Liệu pháp sốc”. Các nước XHCN còn lại nhìn chung đều chọn các phương pháp cải cách từng bước, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, tránh không để phát sinh những hậu quả xấu hoặc sốc về các vấn đề xã hội. Trong số các mô hình có sẵn, có cái đã được đúc kết bởi kinh nghiệm thế giới, có cái chưa có tiền lệ hoặc là có nhưng mới là những nét “chấm phá”, cần được tiếp tục nghiên cứu, nhất là làm sao cho phù hợp với thực tế và với từng bước cải cách của mỗi nước. Doanh nghiệp nhà nước là một đối tượng không nước nào bỏ qua được, và đều phải nghiêm túc lựa chọn giải pháp xem xét.

Một thời kỳ dài ở nước ta, doanh nghiệp nhà nước đã đóng vai trò chủ đạo trong tiến trình phát triển đất nước, bởi vậy càng cần được nghiên cứu một cách sâu sắc để có giải pháp cải cách phù hợp. Trong 20 năm đổi mới đất nước do Đảng ta đề xướng và lãnh đạo, doanh nghiệp nhà nước là đối tượng được Đảng đặc biệt chú trọng tìm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh.

Đã có rất nhiều cuộc tranh luận xung quanh cải cách doanh nghiệp nhà nước thông qua các hội thảo, các bài viết trên các báo, tạp chí, các cuộc hội nghị lớn nhỏ. Đảng ta đã có cả Nghị quyết riêng về đổi mới doanh nghiệp nhà nước (NQ TW3 khoá 9). Hầu như trong các kiểm điểm cuối năm, giữa kỳ, cuối kỳ, Đảng và Chính phủ đều đã có những đánh giá rất nghiêm túc và đề ra giải pháp tiếp theo cho công tác đổi mới doanh nghiệp nhà nước.

Kết quả quá trình sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam đã có những chuyển biến cụ thể, rất tích cực, song vẫn còn nhiều chuyển phải bàn về doanh nghiệp nhà nước, nhất là trong giai đoạn mới – thời kỳ Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Một câu hỏi lớn đang đặt ra: Doanh nghiệp nhà nước có cùng với cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam, và có là “đầu tàu”, hay là con tàu lớn dẫn dắt “Hải đoàn” doanh nghiệp Việt Nam ra khơi trong cộng đồng kinh tế quốc tế không?

PHẦN I – VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1- Quan niệm hiện nay về doanh nghiệp nhà nước

Khoản 22, Điều 4 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 được Quốc hội khoá XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005 và có hiệu lực từ 1/7/2006 đã ghi rõ:

“Doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp trong đó Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ.”

Theo Quy định này và những quy định khác của Luật Doanh nghiệp thì doanh nghiệp nhà nước kể từ 1/7/2010 trở đi chỉ được tồn tại dưới các hình thức sau:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (Chủ sở hữu là Nhà nước), hai thành viên trở lên mà trong đó thành viên đại diện Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ.
- Công ty cổ phần mà các cổ đông là Nhà nước hoặc công ty Nhà nước hoặc đại diện Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ.
- Tổng công ty Nhà nước được tổ chức hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con mà ở đó công ty mẹ do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ.
- Tập đoàn kinh tế trong cấu trúc tổ chức tập đoàn thì công ty mẹ - tập đoàn phải là công ty Nhà nước (Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ).

Cũng theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2005, tất cả các công ty nhà nước hiện đang tổ chức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước 2003 sẽ phải chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc công ty TNHH phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2005. Thời hạn hoàn thành việc chuyển đổi là 4 năm, kể từ ngày 1/7/2006; điều này không có nghĩa là Luật Doanh nghiệp 2005 làm yếu đi DNNN, mà ngược lại, nó cho phép DNNN được tổ chức lại theo mô hình quản trị doanh nghiệp hiện đại; góp phần làm cho DNNN tổ chức, hoạt động có hiệu quả hơn.

2 – Doanh nghiệp Nhà nước là một bộ phận cấu thành của Kinh tế Nhà nước

Sự sụp đổ của cơ chế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu, bao cấp trên quy mô toàn cầu cuối những năm 80 của thế kỷ trước đã thức tỉnh chúng ta nhìn nhận lại vai trò của doanh nghiệp nhà nước. Đến nay, trên bục giảng chính trị vẫn còn đôi người nhầm lẫn, khi nói “doanh nghiệp nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nước ta”, còn nhìn chung người ta đã hiểu đầy đủ hơn theo đúng tinh thần Nghị quyết của Đảng qua các kỳ Đại hội VII, VIII, IX và X.

Trong văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X ghi rõ: “Trên cơ sở ba chế độ sở hữu (toàn dân, tập thể, tư nhân) đã hình thành nhiều hình thức sở hữu và nhiều thành phần kinh tế: Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa... Trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết

nền kinh tế, tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy các thành phần kinh tế cùng phát triển...”

Như vậy, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo chứ không phải là doanh nghiệp nhà nước, trong khi nó chỉ là một bộ phận cấu thành của kinh tế nhà nước. Bởi vì theo quan niệm rộng, kinh tế nhà nước còn bao gồm cả: tài nguyên quốc gia (như đất đai, khoáng sản, vùng trời, vùng biển, tài nguyên gió, nước...), kết cấu hạ tầng, dự trữ quốc gia, tài chính quốc gia ... và cả lợi ích của Nhà nước trong các loại công ty cổ phần có vốn góp.

Đến cuối năm 2005, sau 20 năm đổi mới, khu vực kinh tế nhà nước vẫn còn đóng góp (chiếm giữ) 39% GDP (trong đó, doanh nghiệp nhà nước giữ gần 70%), kinh tế dân doanh chiếm 45,5% GDP, kinh tế hợp tác và hợp tác xã đóng góp 8% GDP, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 15,5% GDP. Trong đó doanh nghiệp nhà nước đóng góp gần 50% thu ngân sách quốc gia. Nhìn một cách khái quát, cơ cấu các thành phần kinh tế đang chuyển dịch theo hướng tích cực - phát huy tiềm năng của mọi thành phần kinh tế.

Đến nay, số người nhầm lẫn, đồng nhất doanh nghiệp nhà nước với kinh tế nhà nước đang ít dần, phần đông đã hiểu được doanh nghiệp nhà nước chỉ là một bộ phận quan trọng, cấu thành kinh tế nhà nước; là lực lượng, công cụ mà Nhà nước “tung” ra thị trường với tư cách là “một chủ thể tham gia cuộc chơi” cùng cạnh tranh với các chủ thể kinh tế khác để bảo đảm một môi trường kinh doanh, trong đó các chủ thể đều phấn đấu nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả kinh tế - xã hội cao, tích cực và chủ động hội nhập thành công vào nền kinh tế quốc tế.

Sau hơn 13 năm sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, đến nay cả nước vẫn còn hơn 2300 doanh nghiệp do Nhà nước giữ 100% vốn (trong đó nông lâm trường là 295, doanh nghiệp trong lĩnh vực an ninh quốc phòng và công ích là 334) và hơn 1000 công ty cổ phần Nhà nước giữ vai trò chi phối. Trong tổng số 101 tổng công ty đã có 6 tổng công ty trở thành tập đoàn. Tuy đã có tên gọi là tập đoàn hay tổng công ty nhà nước, nhưng thực ra bên trong đó (Trừ tổng công ty đầu tư kinh doanh vốn mới thành lập) đều là đa sở hữu. Tất cả doanh nghiệp này đang nắm giữ 75% tài sản cố định quốc gia, chiếm gần 50% vốn đầu tư của Nhà nước, hơn 60% tổng lượng tín dụng trong nước, hơn 70% vốn vay nước ngoài. Tổng vốn Nhà nước có tại doanh nghiệp nhà nước khoảng hơn 250.000 tỷ VNĐ (chưa tính giá trị sử dụng đất) tương đương với vốn đăng ký kinh doanh của các doanh nghiệp dân doanh.

Không ai phủ nhận vai trò và những đóng góp của doanh nghiệp nhà nước trong các cuộc kháng chiến và tái thiết đất nước sau hoà bình, thống nhất, đặc biệt là vai trò quyết định, chủ đạo trong thời kỳ kinh tế kế hoạch hoá tập trung. Ngay cả trong thời

kỳ đổi mới, doanh nghiệp nhà nước đã đóng góp to lớn vào việc tạo ra “bộ mặt” kết cấu hạ tầng quốc gia, cầu nối chủ lực với kinh tế nước ngoài, đảm bảo nguồn lực thiết yếu cho quốc phòng, nhu cầu thiết yếu cho dân chúng ở vùng sâu, vùng khó khăn và những nơi, những lĩnh vực cần thiết cho nền kinh tế quốc dân, nhưng các thành phần kinh tế khác không làm được hoặc là không chịu làm do hiệu quả kinh tế thấp. Tuy còn nhiều ý kiến khác nhau, nhưng trong thời gian qua doanh nghiệp nhà nước đã thực sự là công cụ để Nhà nước bình ổn giá, góp phần điều tiết vĩ mô nền kinh tế, khẳng định vai trò quan trọng, tích cực của doanh nghiệp nhà nước.

3 – Vai trò của doanh nghiệp nhà nước chưa tương xứng với tiềm năng và đầu tư của Nhà nước

Vẫn còn nhiều vấn đề làm cho không ít người còn băn khoăn, cần phải sớm làm rõ:

Thứ nhất, trong những thành tựu kinh tế - xã hội chung của đất nước sau 20 năm đổi mới, thì doanh nghiệp nhà nước đóng góp chưa tương xứng với tiềm năng và đầu tư của Nhà nước, ngay cả những lĩnh vực Nhà nước độc quyền. Nhìn chung, doanh nghiệp nhà nước kinh doanh kém hiệu quả, để xảy ra nhiều tiêu cực và lãng phí. Gần đây, báo chí đưa nhiều về sự chen ép lẫn nhau ngay trong doanh nghiệp nhà nước đang gây thiệt hại cho người tiêu dùng và Nhà nước, không chỉ câu chuyện “tranh cãi” giữa tập đoàn bưu chính viễn thông (VNPT) với Viettel (QĐ), EVN Telecom, mà cả chuyện thông thầu, hay bỏ thầu với giá thấp dưới chi phí tối thiểu trong lĩnh vực xây dựng, giao thông và nhiều lĩnh vực khác v.v.

Thứ hai, thành tựu kinh tế mà thế giới trân trọng là xuất khẩu cà phê, gạo và điều trong thời gian ngắn nước ta đã vươn lên đứng thứ hai thế giới, thì Tổng công ty Cà phê Việt Nam chỉ chiếm tỷ trọng xuất khẩu chưa đầy 30% (còn lại là của các thành phần khác). Riêng về xuất khẩu hạt điều, chủ yếu là doanh nghiệp doanh dân. Cũng tương tự như vậy, hạt tiêu xuất khẩu Việt Nam đang đứng thứ nhất, thì chủ yếu cũng do dân doanh. Lĩnh vực thủy sản lại càng khẳng định thêm điều đó (Mặc dầu có ba tổng công ty thủy sản nhà nước). Sản phẩm dệt may đang đứng thứ 2 về kim ngạch xuất khẩu (sau dầu khí). Tuy vậy, phần lớn hoạt động của ngành này cũng là gia công thuần túy, sản phẩm có hàm lượng quốc gia quá ít, chủ yếu là tiền công, còn từ vải đến phụ liệu, máy móc thiết bị hầu hết đều nhập ngoại; và trong tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu ngành này, tập đoàn dệt may của Nhà nước cũng chỉ chiếm khoảng 21% (2005). Và trong 1 tỷ USD xuất khẩu đó, hầu hết là từ các công ty cổ phần hoá.

Thứ ba, Kỹ thuật, công nghệ chậm đổi mới, nhìn chung dưới mức trung bình của khu vực và thế giới. Nếu so với công nghệ của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thì doanh nghiệp nhà nước cũng chưa vươn kịp, nếu không nói là

còn thấp trên nhiều mặt. Đã thế động lực để đổi mới công nghệ còn rất yếu, vướng mắc nhiều rào cản về cơ chế chính sách, và cả của bản thân yếu tố con người trong các doanh nghiệp nhà nước (chẳng hạn, đưa công nghệ cao vào doanh nghiệp nhà nước thì công nhân thừa đưa đi đâu?!...). Các ngành công nghiệp có trình độ công nghệ cao, hiện đại như điện tử, tin học mới chỉ chiếm dăm phần trăm giá trị sản xuất công nghiệp.

Thứ tư, quản trị doanh nghiệp phần lớn chưa đạt tiêu chuẩn ISO, nhìn vào doanh nghiệp nhà nước đang nặng nề quy trình theo kiểu cũ. Tính năng động thấp một phần do bản thân doanh nghiệp, một phần do cơ chế quản lý chưa tạo quyền chủ động cho doanh nghiệp nhà nước như: Vấn đề nhân sự cấp cao của doanh nghiệp, cơ chế tài chính theo kiểu định mức chi phí trực tiếp chưa hướng tới lợi nhuận, một số doanh nghiệp đang mắc cả cơ chế giá như: Điện, Xăng dầu, Xi măng, Sắt thép. Vì vậy năng suất lao động thấp, giá thành cao, sức cạnh tranh kém. Nhiều sản phẩm thiết yếu do doanh nghiệp nhà nước sản xuất có giá bán cao hơn nhiều so với giá nhập khẩu.

Thứ năm, những vụ việc gần đây của tập đoàn Bưu chính – Viễn thông, Hàng không, Điện lực, Dầu khí...(Đều là những tập đoàn kinh tế lớn của Nhà nước) đang làm cho nhân dân bất bình, mất niềm tin. Sự trục trặc nội bộ ban lãnh đạo nhiều tổng công ty dẫn đến hậu quả không nhỏ, không chỉ về sự phát triển của doanh nghiệp, mà cả hậu quả về tâm lý, lòng tin trong đội ngũ cán bộ, người lao động và các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế có quan hệ làm ăn với những doanh nghiệp nhà nước ấy.

Có thể nói, với vai trò dẫn dắt các thành phần kinh tế khác, công cụ điều tiết, phân bổ hiệu quả nguồn tài nguyên quốc gia của doanh nghiệp nhà nước còn nhiều điều thấp xa mong muốn.

Có nhiều nguyên nhân, nhưng cơ bản nhất vẫn là do chúng ta chưa có được “ông chủ” giỏi, “ông chủ” đích thực cho doanh nghiệp và ngược lại doanh nghiệp nhà nước cũng chưa rõ “ông chủ thật”, thậm chí câu hỏi đặt cả cho “lỗi hệ thống” để tạo ra những ông chủ thật sự cho lợi ích của quốc gia, dân tộc.

PHẦN II – ĐẨY NHANH TIẾN TRÌNH SẮP XẾP, ĐỔI MỚI VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ, SỨC CẠNH TRANH CỦA DNNN

Trong văn kiện Đại hội lần thứ X của Đảng đã ghi rõ: “Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là cổ phần hoá. Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, tập trung chủ yếu vào một số lĩnh vực kết cấu hạ tầng, sản xuất tư liệu sản xuất và dịch vụ quan trọng của nền kinh tế, vào một số lĩnh vực công ích” [Văn kiện tr 85]. Và khẳng định: “Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế

tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế.” [Văn kiện. tr 83]. Kinh tế cổ phần ngày càng phát triển, trở thành hình thức tổ chức kinh tế phổ biến, thúc đẩy xã hội hoá sản xuất và sở hữu, đặc biệt là xã hội hoá vốn của các nhà đầu tư.

Theo tinh thần Nghị quyết X của Đảng, trước khi bàn đến giải pháp đẩy nhanh tiến trình sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, cần làm rõ thêm hai nội dung mà lâu nay cả trong thực tiễn và lý luận đang còn nhiều ý kiến tranh cãi:

1 - Xác định lại phạm vi và qui mô doanh nghiệp nhà nước

Để thực hiện Nghị quyết TW3 khoá IX, Chính phủ đã ban hành tiêu chí danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước và tổng công ty nhà nước. Theo đó, những doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh gồm:

- Sáu lĩnh vực độc quyền Nhà nước: Sản xuất cung ứng vật liệu nổ, hoá chất độc, chất phóng xạ, hệ thống truyền tải điện quốc gia, mạng thông tin quốc gia và quốc tế, sản xuất thuốc lá điều.

- 39 ngành, lĩnh vực doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh phải đáp ứng đủ các điều kiện: Vốn Nhà nước 20 tỷ VNĐ trở lên, mức thu - nộp ngân sách bình quân từ 3 tỷ VNĐ trở lên trong 3 năm liền kề, đi đầu trong ứng dụng công nghệ mũi nhọn, công nghệ cao, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô.

- Những doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh đảm bảo nhu cầu thiết yếu cho phát triển sản xuất và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào nông thôn, đồng bào dân tộc miền núi, vùng sâu, vùng xa.

- Những doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh có tính đặc thù: Nhà xuất bản, xổ số kiến thiết...

- Những doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích trong 14 lĩnh vực khác

Số còn lại ngoài những diện kể trên mới được cổ phần hoá, và lại quy định rõ khi cổ phần hoá, những doanh nghiệp nhà nước phải giữ trên 50% cổ phần trong 11 lĩnh vực. Đây cũng là bước tiến quan trọng từ chỗ doanh nghiệp nhà nước nằm ở hầu hết các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội đến việc xác định thu hẹp dần như đã nêu trên.

Tuy vậy, quá trình triển khai, bên cạnh những mặt được, thì cũng đã bộc lộ quá nhiều vướng mắc và không phù hợp với quy luật phát triển của kinh tế thị trường. Vì vậy, hội nghị kiểm điểm giữa kỳ của Ban chấp hành TW khóa IX, diễn ra ngày 5/1/2004, đã có bổ sung điều chỉnh và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành bằng Quy

định 155 TTg, ngày 24/8/2004 để triển khai tinh thần đó. Theo đó, Nhà nước chỉ nắm giữ 100% vốn các doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong 21 lĩnh vực quan trọng bao gồm cả 6 lĩnh vực độc quyền trước đây, 14 lĩnh vực dịch vụ công ích và 1 lĩnh vực đảm bảo nhu cầu cho đồng bào dân tộc vùng sâu, vùng xa, 8 lĩnh vực phải đáp ứng các điều kiện (thay vì 39 lĩnh vực) và nâng qui mô vốn cần có lên 30 tỷ VNĐ mới được giữ lại 100% vốn điều lệ do Nhà nước sở hữu. Mặt khác, Chính phủ cũng cho phép tiến hành cổ phần hoá thí điểm một số tổng công ty mà Nhà nước không cần nắm giữ.

Đây thực sự là một bước tiến rất quan trọng trong quá trình đổi mới doanh nghiệp nhà nước, thu hẹp dần diện doanh nghiệp mà Nhà nước cần giữ 100% vốn, tạo điều kiện tổ chức lại doanh nghiệp nhà nước, Nhà nước chỉ làm những gì doanh nghiệp chưa làm được hoặc không làm, còn lại chuyển đổi theo hướng cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước hiện có.

Một thực tế hiện đang đặt ra, nhất là trước yêu cầu của hội nhập WTO, trước yêu cầu phát triển kinh tế đất nước, doanh nghiệp có 100% vốn nhà nước đang bị sức ép cần phải thu hẹp hơn nữa.

Vì vậy, để triển khai Nghị quyết Đại hội X của Đảng, vấn đề cấp bách nhất hiện nay là Chính phủ phải khẩn trương soát xét lại các lĩnh vực mà Nhà nước cần phải giữ 100% vốn đối với các doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động và tính lại quy mô hoạt động cần đáp ứng đủ sức giữ vị trí tham gia điều tiết vĩ mô và đảm bảo an ninh quốc phòng.

- Trước hết xác định để thu hẹp tối đa diện Nhà nước độc quyền, xoá bỏ hoàn toàn độc quyền kinh doanh của doanh nghiệp, thu lại độc quyền Nhà nước – quyền hành chính của Nhà nước lâu nay còn để lại cho doanh nghiệp, ngay cả trong lĩnh vực độc quyền cũng phải tạo ra sự cạnh tranh trong nội bộ các doanh nghiệp nhà nước.

- Chỉ giữ lại các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trong các lĩnh vực hoạt động bảo đảm an ninh quốc phòng, đối với những doanh nghiệp hoạt động dịch vụ, hỗ trợ trong lĩnh vực này cũng cần được xem xét lại để thực hiện cổ phần hoá như: may mặc, xây dựng, công nghiệp quốc phòng có tính hỗ trợ.

Về quy mô doanh nghiệp nhà nước: Cần tính toán lại để kiên quyết tổ chức lại doanh nghiệp nhà nước đủ mạnh trong cạnh tranh, xoá bỏ tình trạng manh mún như hiện nay; tổ chức lại doanh nghiệp nhà nước có qui mô hiện đại không chỉ về vốn, mạng lưới, mà thực chất cả về năng lực và hiệu quả kinh doanh theo hướng Nhà nước chỉ duy trì số tổng công ty và các tập đoàn kinh tế đủ sức hoạt động có hiệu quả nhất trong các lĩnh vực nêu trên.

2 – Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước đảm bảo định hướng có hiệu quả, không thất thoát, không phải là tư nhân hoá

2.1- Cổ phần hoá không phải là tư nhân hoá

Quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước vừa qua tuy cũng phải trật, vất vả song đã đem lại nhiều kết quả đáng mừng kể cả về mặt kinh tế, chính trị, xã hội; nó cũng khẳng định sự đúng đắn trong đường lối kinh tế của Đảng về phát triển kinh tế nhiều thành phần và sự phát triển đan xen giữa các thành phần kinh tế ở nước ta.

Tuy vậy, cũng không tránh khỏi những sai sót, thậm chí là những thất thoát về tài sản của Nhà nước, mà nguyên nhân là do: sơ hở trong chính sách vì thiếu kinh nghiệm; non yếu trong khi đưa ra quyết sách; hoặc do cán bộ thừa hành lợi dụng thu vén cá nhân..., nhưng nhìn chung, chưa có gì đến mức “sốc”, nghĩa là phải đình lại một xu hướng tích cực hiện nay. Điều mà nhiều người băn khoăn và tranh luận nhiều nhất là cổ phần hoá có phải là tư nhân hoá không?

Theo báo cáo mới nhất của Ban chỉ đạo Đổi mới doanh nghiệp trong tháng 5/2006, đến nay Nhà nước đã cổ phần hoá được gần 3000 doanh nghiệp, trong đó Nhà nước giữ lại cổ phần chi phối (> 50%) là 33% số lượng doanh nghiệp đã cổ phần. Đây lại là những doanh nghiệp có vốn tương đối lớn, kinh doanh hiệu quả, gần 30% số lượng doanh nghiệp cổ phần hoá Nhà nước không giữ phần trăm nào.

Xét về cơ cấu cổ đông, tính bình quân chung 3000 doanh nghiệp, thì Nhà nước vẫn giữ 46,3%, người lao động trong doanh nghiệp giữ 29,6%, cổ đông ngoài doanh nghiệp chỉ nắm giữ 24,1% tổng vốn điều lệ.

Về hình thức, cổ phần hoá phổ biến nhất là bán một phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp và kết hợp phát hành thêm cổ phiếu (69,4%), hình thức giữ nguyên vốn Nhà nước phát hành thêm cổ phiếu chiếm 15,1%, hình thức bán toàn bộ vốn Nhà nước có tại doanh nghiệp khi cổ phần hoá chiếm 15,5%.

Đối với doanh nghiệp nhà nước khi cổ phần hoá, Nhà nước phải giữ lại trên 50% chắc không ai nghi ngờ gì, và theo Luật Doanh nghiệp mới, nó vẫn là doanh nghiệp nhà nước. Ở đây người ta phân ra hai loại doanh nghiệp nhà nước cổ phần hoá. Một là loại doanh nghiệp cổ phần Nhà nước nắm ít hơn 50%, hai là loại doanh nghiệp cổ phần Nhà nước nắm 0% vốn để xem có thành tư nhân hoá không?

Đối với doanh nghiệp nhà nước khi cổ phần hoá Nhà nước không giữ % vốn điều lệ. Các loại doanh nghiệp này về số lượng chiếm gần 30% số doanh nghiệp nhà nước đem cổ phần hoá, nhưng đều là những doanh nghiệp nhỏ có vốn nhà nước từ 1 tỷ VNĐ trở xuống, kinh doanh kém hiệu quả, và khảo sát thực tế cho thấy, chưa có

doanh nghiệp nào rơi vào tay một hay một nhóm nhỏ các cổ đông, mà đang là của tập thể người lao động.

Về mặt lý luận, đây cũng là hình thức bán những doanh nghiệp nhà nước kém hiệu quả để thu tiền về cho Nhà nước, chuyển từ Nhà nước nắm hình thái hiện vật sang hình thái giá trị. Từ đó sử dụng tiền thu về đầu tư vào lĩnh vực khác hiệu quả hơn, và như vậy nó không mất đi mà được chuyển sang hình thái mới.

Đối với loại doanh nghiệp cổ phần, trong đó Nhà nước giữ cổ phần dưới 50% vốn điều lệ, về mặt hiện vật rõ ràng đã bán cho các cá nhân và họ có quyền sở hữu phần họ mua, nhưng chưa có trường hợp nào tháo nhà máy hay chia công ty cho mỗi người một phần tương xứng với giá trị họ mua. Tuy có hiện tượng mua gom cổ phiếu ở nơi này, nơi kia, nhưng cũng chưa phát hiện được chỗ nào tập trung vào một hay một nhóm cổ đông. Mà trên thực tiễn các doanh nghiệp đó đang hoạt động rất tốt dưới sự điều hành của một Hội đồng quản trị mới, mà hầu hết các doanh nghiệp có cả thành viên là đại diện Nhà nước với tư cách cổ đông và chịu sự giám sát của các cổ đông tại đó.

Đến thời điểm này, theo kết quả nghiên cứu, chưa có doanh nghiệp nhà nước nào cổ phần hoá đã biến thành tư nhân hoá, có tới 90% doanh nghiệp cổ phần hoạt động hiệu quả cao, đóng góp ngân sách tăng, thu nhập người lao động tăng, huy động vốn xã hội tăng, chấm dứt bù lỗ của ngân sách nhà nước, lao động tăng. Có 10% doanh nghiệp sau cổ phần hóa kém hiệu quả, do trước đó khi còn là doanh nghiệp nhà nước nó đã rất kém rồi, lại không xác định được chiến lược kinh doanh, nhiều tồn tại sau cổ phần không được giải quyết. Nội bộ mất đoàn kết, tranh giành quyền lực, nhiều doanh nghiệp còn do sự can thiệp không đúng của chính quyền địa phương ngay từ khi phê duyệt phương án cổ phần hoá đến cử nhân sự đại diện vốn vào ban lãnh đạo mới theo kiểu áp đặt...

Từ đầu năm 2005 đến nay, việc thực hiện bán đấu giá công khai cổ phần, những doanh nghiệp lớn (cổ phần bán ra có giá trị > 10 tỷ VNĐ) lại được thông qua thị trường chứng khoán, càng tạo điều kiện hơn cho việc chuyển doanh nghiệp nhà nước sang doanh nghiệp cổ phần theo hướng công chúng hoá công ty.

Ngay khi phân tích xã hội tư bản cổ điển Ăng-ghe-n cũng vạch rõ: “Sản xuất tư bản chủ nghĩa do công ty cổ phần kinh doanh không còn là sản xuất tư nhân nữa”, thì trong chế độ ta, làm sao có chuyện công ty cổ phần từ cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước thành công ty tư nhân được!

2.2- Cổ phần hoá giảm thiểu thất thoát tài sản của Nhà nước

Như đã trình bày trên, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước ở nước ta là “vừa đi vừa dò”, từ thí điểm chọn mẫu, đến thí điểm nhân rộng và làm đại trà; từ DN nhỏ đến DN lớn. Theo Quyết định số 143/HĐBT, ngày 17/5/1990 của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) lựa chọn một số DN vừa và nhỏ để làm thử, thì trong 2 năm 1990 – 1991 cũng chỉ được 2 DN. Tiếp đến là Quyết định số 202 của Chủ tịch HĐBT (8/6/1992) yêu cầu mỗi bộ, địa phương chọn từ 1 – 2 DN chỉ đạo điểm, thì suốt 4 năm (từ 6/1992 đến 4/1996) cũng chỉ cổ phần hoá được 5 DN (3 của TW và 2 của địa phương). Từ 5/1996 đến 6/1998, mới là giai đoạn thí điểm mở rộng cũng chỉ được 25 DN. Sau khi có Nghị định 44/CP, năm 1998 đến ngày 31/12/2000 đã cổ phần hoá được 548 DN. Số doanh nghiệp được tiến hành cổ phần hóa chủ yếu tăng mạnh từ khi có Nghị quyết TW3 khoá IX (8/2001) đến nay đã có 2.357 DN cổ phần hóa.

- Cái được lớn nhất của quá trình cổ phần hoá là nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước, đa sở hữu, huy động thêm vốn, phá sức ỳ trong doanh nghiệp nhà nước... như đã trình bày ở trên và chặn đứng, xoá hẳn tình trạng bù lỗ cho gần 3000 DN đã cổ phần hoá. Chúng ta thử hình dung, giả sử cứ để gần 3000 doanh nghiệp ấy ở dạng 100% vốn Nhà nước đến nay, thì sự mất mát, tiêu cực tại đó lớn tới mức nào?! Chưa kể các khoản đóng góp tăng hơn cho ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp sau cổ phần hoá trong hơn 10 năm qua!.

- Đúng là, trong quá trình cổ phần hoá còn có nhiều sai sót do xác định giá trị DN sai, thường là thấp, thua giá thị trường (ngay cả trong giá trị tài sản hữu hình chứ chưa nói gì tài sản vô hình), do cách xác định phương án cổ phần hoá: mang tính khép kín, chia phần, không mang nguyên tắc thị trường, thiếu tính công khai, minh bạch, lũng nhùng trong định giá đất, phương thức cho thuê hay giao đất... Ngoài ra, các quy định trong việc chuyển nhượng cổ phiếu dẫn đến tình trạng “chợ đêm” của thị trường cổ phiếu... đang gây bức xúc và nghi ngờ trong dân chúng.

Tình trạng trên, có nguyên nhân do nhận thức chưa kịp với thực tiễn, vì vậy đưa ra chính sách còn nhiều sơ hở; có nguyên nhân quá trình chỉ đạo thực hiện cổ phần hoá chỗ này, chỗ kia có tình trạng cơ sở đã lợi dụng, hoặc là “lách luật” để kiếm lợi ích riêng cho một nhóm người hay cho tập thể người lao động tại DN, làm phương hại lợi ích của Nhà nước...

Cho đến nay, người ta vẫn còn nói nhiều đến “khách sạn Phú Gia”, công ty dịch vụ Hoàn Kiếm, nhưng cũng đều rơi vào những DN cổ phần hoá ở thời kỳ đầu – khi mà chúng ta phải vận động và đủ phương sách mới cổ phần hoá được vài DN. Và hầu như ở địa phương nào cũng có dư âm về việc có tình trạng “hớ” khi cổ phần hoá một vài doanh nghiệp nhà nước. Thử nhìn lại từ tháng 5/1990 đến 6/1998, 8 năm cả nước

chỉ cổ phần hoá được 52 DN. Ngày nay, khi cơ chế “Bung ra” hơn, lợi thế đất đai rõ hơn, mà quay lại đánh giá những cái “hớ” ấy thì rõ ràng chưa thật khách quan cho lắm.

- Cổ phần hoá đã chuyển từ “chia phần” khép kín, thông qua hội đồng đấu giá sang đấu giá công khai theo nguyên tắc thị trường (Từ khi có Nghị định 187/CP, ngày 16/11/2004 với quy định cụ thể: số cổ phần bán ra dưới 1 tỷ VNĐ thì đấu giá tại DN, từ 1 – 10 tỷ đấu giá tại trung tâm tài chính, trên 10 tỷ thì đấu giá qua TTCK. Do một tổ chức tư vấn thực hiện) đã xoá bỏ và khắc phục được nhiều thiếu sót, sơ hở của giai đoạn trước đây. Mọi vấn đề do xác định chưa đúng về giá trị tài sản hữu hình, vô hình, khi thông qua đấu giá trên thị trường đều được khắc phục cơ bản.

Nếu như thời kỳ trước khi có Nghị định 187/CP, tổng vốn Nhà nước đem ra cổ phần hoá khoảng 33.000 tỷ VNĐ (12% vốn Nhà nước có tại DN) được định giá lại khi cổ phần hoá đã tăng lên 18,4%, thì giai đoạn thực hiện Nghị định 187/CP tăng hơn rất nhiều. Những ngày đầu thực hiện đấu giá trên TTCK Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, kết quả 5 phiên đấu giá 5 DN: Công ty cổ phần kỹ nghệ thực phẩm (Vifon), Nhà máy thiết bị bua điện (Postef), Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn – sông Hinh, công ty điện lực Khánh Hoà, công ty sữa Việt Nam (VinaMilk) đã thu vượt dự định 450 tỷ VNĐ. Hay như Công ty Dịch vụ bảo vệ thực vật An Giang, giá thắng thầu cũng đạt mức 290.000 so với giá chào bán 130.000 VNĐ. Có những DN, khi đem ra đấu giá, nhiều người dự báo là chẳng tăng được bao nhiêu. Ví dụ, Công ty Vận tải – Xây dựng và Chế biến lương thực Vĩnh Hà thuộc Tổng công ty lương thực Miền Bắc. Kết quả đấu giá 1.784.890 cổ phần ngày 13/4/2006 tại thị trường chứng khoán Hà Nội đã gây bất ngờ lớn. Giá trúng thầu bình quân 26.144 đ/10.720 VNĐ giá sàn. Trong 7 tháng đầu năm 2006, 59 công ty bán đấu giá cổ phần lần đầu tại 2 trung tâm giao dịch chứng khoán với giá khởi điểm 1.740 tỷ VNĐ đã bán được 3.196 tỷ v.v... Nhìn chung, các doanh nghiệp nhà nước đem cổ phần hoá bằng hình thức đấu giá hầu hết là “được giá”; chỉ cá biệt mới sát giá sàn. Về cơ bản, Nhà nước không những đã chặn đứng được thất thoát, mà còn làm tăng giá trị các doanh nghiệp cổ phần hóa.

Tuy vậy, vẫn còn nhiều băn khoăn, không phải do kết quả đấu giá cổ phần DN tăng, mà người ta đặt câu hỏi ngược lại ở giai đoạn trước. Cái chính là, người ta lo ngại về cách tổ chức đấu giá, nhất là khi tổ chức thị trường chưa tốt: chưa xác định được “cầu”, chưa kích được “cầu”, mà đưa “cung” lớn quá. Tình trạng móc ngoặc, thông thầu cũng là mối nghi ngờ lớn. Sự kiện 25/29 nhà trúng thầu bỏ cuộc trong phiên đấu giá Khách sạn Tân Đà của SaigonTourist tại Trung tâm đấu giá TTCK thành phố Hồ Chí Minh là một ví dụ điển hình. Họ sẵn sàng chịu mất 850 triệu VNĐ tiền đặt cọc để khỏi phải mua số cổ phần có mức tăng giá cao hơn quá mức so với giá

người kế tiếp là hơn 14 tỷ VNĐ không thể là chuyện bình thường v.v... Những sự việc cụ thể đó đang là những dấu hiệu đặt ra cho những người hoạch định chính sách và tổ chức chỉ đạo thực hiện để sớm có đổi sách ngăn chặn.

Thực tế có thể có một số thất thoát nào đó, nếu là do chủ quan cố tình tiêu cực thì kiên quyết nghiêm trị, do sơ suất trong ban hành chính sách thì kiên quyết phát hiện, bổ sung, sửa đổi. Nhưng về cơ bản thì quá trình cổ phần hoá vừa qua là thực sự giảm thiểu thất thoát tài sản cho Nhà nước trên cả 2 phương diện: bán cổ phần và chấm dứt bù lỗ cho doanh nghiệp nhà nước, chặn được cái mất tiếp (mất “có thể biết” hoặc “không thể biết”) là vô cùng to lớn.

3 – Hướng cơ bản trong sắp xếp đổi mới doanh nghiệp nhà nước đến 2010

Trong Báo cáo của BCHTW khoá IX về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 – 2010 được thông qua tại Đại hội X, phần các chính sách và giải pháp ghi rõ: “Khẩn trương hoàn thành một cách vững chắc kế hoạch sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước theo hướng hình thành loại hình công ty nhà nước đa sở hữu, chủ yếu là các công ty cổ phần... Đặt các doanh nghiệp có vốn nhà nước vào môi trường hợp tác và cạnh tranh bình đẳng với các doanh nghiệp khác để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh” [Văn kiện. tr 232 - 233].

Như vậy, cùng với việc khẩn trương hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, các chính sách đã tập trung vào việc tiếp tục cải tiến, mở rộng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho doanh nghiệp nhà nước và việc soát xét để ban hành tiêu chí mới như đã trình bày ở trên. Phần này chỉ nêu ra những nhận định ban đầu về hướng sắp xếp doanh nghiệp nhà nước nhằm đáp ứng yêu cầu đảm bảo doanh nghiệp nhà nước là “con tàu lớn” dẫn dắt “Hải đoàn” doanh nghiệp Việt Nam ra khơi:

+ Trên cơ sở tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Đại hội X của Đảng, soát xét lại các doanh nghiệp có 100% vốn nhà nước, chỉ giữ 100% vốn nhà nước ở những doanh nghiệp hoạt động bảo đảm an ninh quốc phòng. Đối với những doanh nghiệp hoạt động cung ứng dịch vụ công ích như: công ty quản lý các công trình thuỷ nông lớn, hệ thống truyền tải điện quốc gia, mạng lưới thông tin quốc gia, sản xuất - cung ứng vật liệu nổ, hoá chất độc, chất phóng xạ, in tiền, chứng chỉ có giá, sản xuất tiền kim loại, xổ số kiến thiết v.v. phải chuyển sang công ty TNHH một thành viên và nằm trong các tập đoàn các tổng công ty; hạn chế tới mức tối thiểu công ty độc lập thuộc các cấp hành chính.

+ Tập trung kiện toàn các tập đoàn và tổng công ty (đây là nhiệm vụ trọng tâm) theo hướng sau:

Lựa chọn những tổng công ty mạnh đủ điều kiện theo tiêu chí của tập đoàn kinh tế để làm hạt nhân hình thành các tập đoàn kinh tế. Đây là những tập đoàn đóng vai trò rất quan trọng, giúp Nhà nước chủ động trong điều tiết vĩ mô, đảm bảo phát triển kinh tế đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa: Là những tập đoàn đủ sức mang thương hiệu Việt Nam ra thế giới, bảo vệ, sử dụng và phân phối hiệu quả một bộ phận tài nguyên quốc gia theo hướng bền vững.

Thúc đẩy hình thành một số tập đoàn kinh tế theo nguyên tắc kết cấu đa sở hữu: công ty mẹ - tập đoàn – có thể 100% vốn nhà nước, có thể là đa sở hữu, nhưng Nhà nước giữ hơn 50% vốn điều lệ. Còn các tổng công ty, công ty thì hầu hết là ở dạng đa sở hữu.

Theo phương án đã được phê duyệt theo tinh thần Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, sẽ để lại khoảng 1800 doanh nghiệp nhà nước do Nhà nước giữ 100% vốn được chuyển sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và khoảng 750 công ty cổ phần Nhà nước giữ trên 50% vốn điều lệ.

Theo tinh thần Nghị quyết Đại X của Đảng, cần tích cực soát xét tiếp để giảm thiểu số lượng này, theo nhiều ý kiến của các chuyên gia kinh tế, Nhà nước chủ yếu giữ lại 100% vốn ở một số công ty mẹ (tập đoàn) hoặc công ty mẹ (tổng công ty) là chủ yếu, ngoài ra chỉ nắm lại 100% vốn ở một số ít những công ty hoạt động trong lĩnh vực đặc biệt quan trọng như đã nêu ở trên.

Một số tổng công ty có chiến lược sản xuất, kinh doanh tương đồng với các tập đoàn đang xây dựng, có thể tổ chức lại theo hướng sát nhập, hợp nhất. Việc làm này không chỉ đơn thuần là giảm đầu mối, mà quan trọng hơn là để tập đoàn mạnh hơn, và để cổ phần hoá được thuận lợi hơn.

Những tổng công ty mà điều kiện tài chính xấu, chiến lược kinh doanh không rõ, khả năng khắc phục hậu quả thua lỗ hạn chế, cần tập trung xử lý theo hướng: Tách những công ty “lành mạnh” ra để tổ chức lại theo hướng cổ phần hoá. Khoanh những đơn vị thua lỗ kéo dài để kiên quyết giải thể (nếu đủ điều kiện) hoặc phá sản. Kiên quyết giải thể những tổng công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài, kém hiệu quả, nhất là trong lĩnh vực Nhà nước không cần nắm giữ.

Những tổng công ty còn lại, cần được soát xét theo tiêu chí mới phù hợp với tinh thần Nghị quyết Đại hội X của Đảng để: Một số tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Mà hầu hết công ty con đều được cổ phần hoá. Hạn chế công ty mẹ 100% vốn nhà nước. Đối với một số tổng công ty, cổ phần hoá toàn bộ ngay từ đầu, hoặc gắn với quá trình chuyển đổi, xây dựng đề án cổ phần

hoá ngay công ty mẹ, như đề án tập đoàn bảo hiểm tài chính đã được Chính phủ đã phê duyệt.

- Chuyển đổi các công ty độc lập thuộc bộ, tỉnh, thành phố: Quá trình này chỉ nhanh khi tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước đi vào hoạt động ổn định. Một loạt công ty TNHH một thành viên và công ty cổ phần sẽ được bàn giao về tổng công ty này. Số còn lại, những địa phương, bộ có tổng công ty nên rà soát lại và bàn giao cho tổng công ty những doanh nghiệp cùng ngành nghề, và phải được tiến hành cổ phần hoá ngay từ đầu. Những nơi không có tổng công ty, thì gắn quá trình cổ phần hoá với bàn giao cho tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn.

- Hạn chế chuyển doanh nghiệp nhà nước sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước là chủ sở hữu. Soát lại các doanh nghiệp này để thực hiện cổ phần hoá. Mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được ít người ủng hộ vì viễn cảnh về hiệu quả chưa rõ ràng.

+ Đẩy mạnh cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước kể cả các tổng công ty. Hạn chế việc Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Soát lại các công ty đã cổ phần có vốn chi phối của Nhà nước để bán tiếp phần vốn nhà nước đối với những doanh nghiệp Nhà nước không cần giữ cổ phần chi phối.

Như vậy, cùng với việc triển khai sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần Nghị quyết X của Đảng là việc chuyển doanh nghiệp nhà nước sang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Một số dự báo của hướng này là, đến cuối năm 2009 ở Việt Nam, Nhà nước chỉ còn nắm giữ các tập đoàn kinh tế và các tổng công ty (cũng chỉ xoay quanh con số 100), mà ở đó hầu hết các công ty con đều thuộc diện đa sở hữu. Một số công ty mẹ (tập đoàn) hoặc mẹ (tổng công ty) cũng sẽ đa sở hữu.

PHẦN III – MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA DNNN

1 – Những khó khăn của doanh nghiệp nhà nước cần tháo gỡ

Bên cạnh những yếu kém của doanh nghiệp nhà nước như đã nêu trên, thì nhiều khó khăn của doanh nghiệp nhà nước có cái do chính yếu kém của doanh nghiệp nhà nước tạo ra, có cái do cả quá trình lịch sử, có cái do cơ chế hiện hành. Nếu không có cái nhìn khách quan và tìm cách tháo gỡ thì đôi khi chúng ta chỉ đưa cái quyền đòi hỏi hoặc chỉ trích chứ không cùng nhau tháo gỡ khó khăn.

Sau nhiều năm Đảng và Chính phủ tập trung tìm giải pháp cởi trói cho doanh nghiệp nhà nước bằng các định hướng lớn từ quan điểm đến luật lệ và các quy định cụ thể. Doanh nghiệp nhà nước đã được nâng cao hơn quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm

trong kinh doanh. Trên nhiều diễn đàn doanh nghiệp có nhiều ý kiến đòi hỏi cần phải đảm bảo bình đẳng một sân chơi cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, và yêu cầu Nhà nước phải tạo môi trường cho doanh nghiệp ngoài quốc doanh như doanh nghiệp nhà nước. Điều đó đúng nhưng cũng chỉ một phần thôi, bởi vì họ mới thấy cái ưu ái lợi thế của doanh nghiệp nhà nước như vay vốn, chính sách đầu tư, bảo hộ... chứ họ chưa thấy hoặc không muốn tính đến những ràng buộc gò bó đầy bức xúc của doanh nghiệp nhà nước so với doanh nghiệp thành phần khác.

Trước hết là quyền tự chủ của doanh nghiệp: doanh nghiệp nhà nước đâu được kinh doanh tất cả những ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm; hầu hết các doanh nghiệp lớn đều phải kinh doanh theo chỉ định của Nhà nước. Ngay trong mặt hàng mình kinh doanh cũng đâu có phải lãi thì làm, lỗ thì thôi, phải mua cái này, phải dự trữ cái kia, rồi lại phải bán theo khung giá này vv và vv... nhằm giúp Chính phủ trong điều tiết thị trường.

Từ trước tới nay, mọi người đều nói trường hợp phải mua bán theo lệnh thì được bù lỗ. Nhưng trong thực tế, qua tìm hiểu hoạt động của các tổng công ty, mới thấy rằng công ty phải làm theo lệnh, để thực hiện được việc bù lỗ đủ thứ khổ cho họ và rồi thời gian được bù, số vốn bị “giam” đó đầy lãi suất bao nhiêu, rồi tiêu cực phí và giám đốc cũng không sung sướng gì khi kinh doanh mà được bù lỗ, vì đã lỗ thì việc xin được cơ chế thưởng cho người lao động cũng không dễ.

Thứ hai là vấn đề nhân sự: hầu hết các doanh nghiệp nhà nước của ta được thành lập từ thời bao cấp, đội ngũ lao động tay nghề lạc hậu, nhưng lại có thói quen biên chế cả đời, thay họ không dễ, đó là chưa kể đến con cháu của ông A, ông B kính gửi. Họ có thâm niên, tuổi công đoàn, tuổi Đảng cao hoặc hoàn cảnh kinh tế khó khăn...

Lãnh đạo doanh nghiệp, từ cán bộ chủ chốt đến các bộ phận, bên cạnh nhiều người có năng lực thực sự nhưng cũng không ít người còn kém cả về năng lực và phẩm chất. Nhất là để thay hay bổ nhiệm một giám đốc doanh nghiệp với quy trình hiện nay thì làm sao chọn được người giỏi. Hoặc dẫu có người giỏi thì cũng làm sao giám làm mạnh bởi còn phải giữ để lấy phiếu tín nhiệm kỳ tiếp. Có một thực tế là nhiều cán bộ trưởng thành nhờ không làm gì nhiều nên không sai, còn làm nhiều ắt có sai, và hầu như ai cũng gặp không ít khó khăn. Do đó trong tình hình này, nhiều người đã chọn phương án an toàn.

Thứ ba là những quy định về cơ chế điều hành doanh nghiệp nhà nước sau rất nhiều lần cải cách, nhưng chưa thoát được cơ chế “Bộ Tứ”, rồi sự nhùng nhằng giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc. Những quy định về phân cấp quyền hạn cho họ tưởng là rõ, nhưng không làm được. Ví dụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc thuê Tổng giám đốc nhưng lại phải được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan

quản lý cấp trên trực tiếp (bộ, tỉnh...). Nhiều nơi tỉnh còn quyết định cả giám đốc công ty con của tổng công ty, hoặc quyết định cả phó giám đốc của công ty độc lập trực thuộc... Rồi cơ chế đầu tư, cơ chế phân chia lợi ích xem kỹ vẫn còn nhiều bẽ tắc cho doanh nghiệp.

Thứ tư là cơ chế tài chính, giá cả, tiền lương thưởng vv... Xin nêu một ví dụ: doanh nghiệp nhà nước kinh doanh có hiệu quả, nhưng chỉ được trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi theo % trên vốn vay, còn vốn tự có thì không được trích lập quỹ? Như thế thì người ta sử dụng hiệu quả vốn Nhà nước chỉ được cho Nhà nước thôi ư? Cái thành tích thi đua theo bằng khen, giấy khen thường rơi vào lãnh đạo, hoặc bộ phận nhỏ người lao động, trong khi số đông lao động họ cần quỹ khen thưởng và phúc lợi bằng tiền cho chính họ. Nhiều khi doanh nghiệp cũng muốn thưởng đường hoàng cho người có công với doanh nghiệp từ quỹ khen thưởng; nhưng như thế thì họ phải “chế biến” để thưởng chui, cả hai đều không phần khởi. Đó là chưa kể đến những định mức tài chính không tiến kịp với thay đổi của cơ chế thị trường...

Thứ năm, cho tới nay đổi mới công nghệ thiết bị của doanh nghiệp nhà nước rất chậm khoảng 10% trong mấy năm qua. Trong khi quá nhiều doanh nghiệp nhà nước thiết bị lạc hậu, quá trình đầu tư của các thời kỳ trước có cái không hợp lý về quy mô, sản phẩm..., có cái lạc hậu ngay khi đầu tư mới, có cái phải chấp nhận do thời kỳ nhận viện trợ không hoàn lại (không có đường lựa chọn), có cái bị sức ép bởi vốn vay... và cứ nếu tốc độ đổi mới như thời gian qua thì doanh nghiệp nhà nước làm sao tiến kịp doanh nghiệp tư nhân được, chưa nói đến doanh nghiệp FDI. Và ở đây cũng phải kể đến giá mua thiết bị mà doanh nghiệp nhà nước phải chịu khấu hao quá mức bình thường cho phép, không dễ gì một vài ba năm khắc phục được.

Thứ sáu, quá ít doanh nghiệp nhà nước vốn tự có đủ theo quy định, đó là chưa kể thực tế hiện nay hơn 50% vốn tự có không phát huy hiệu quả, đang nằm trong tài sản chờ thanh lý (38% thiết bị chờ thanh lý), số còn lại thường đang trong nợ khó đòi, có cái do chính doanh nghiệp tạo ra, nhưng phân tích kỹ phần lớn do hậu quả của lịch sử, như phải bán chịu, phải ứng trước cho hộ dân, phải xây dựng công trình này, công trình kia. Tỉnh huyện cam kết sẽ trả nợ nhưng nợ cứ đè lên nợ.

Hầu hết doanh nghiệp nhà nước có tổng tài sản gấp 10 đến 20 lần vốn tự có, tổng nợ ngân hàng bình quân gấp 6 đến 8 lần, trong lĩnh vực thương mại, xây dựng gấp 10 đến 20 lần. Trong khi hệ số an toàn của vốn vay/ tự có ở Mỹ và EU từ 2,5 – 3,5 lần, ở Singapo và Thái Lan từ 3 – 4 lần.

Ngạn ngữ Việt Nam có câu: “Buôn tài không bằng dài vốn” mà vốn liếng doanh nghiệp nhà nước ta như vậy thì làm sao vươn lên được.

Thứ bảy, các loại kiểm tra, thanh tra chắc chắn là doanh nghiệp nhà nước chịu nhiều hơn là doanh nghiệp ngoài Nhà nước, đó là chưa kể đến các chi phí “Tài trợ bắt buộc” mà doanh nghiệp nhà nước phải chi cho các ngày lễ hội từ phường xã trở lên, từ tổ chức này đến tổ chức khác, nói là tự nguyện nhưng là không thể từ chối được...

2 – Những giải pháp để nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước

2.1- Đối với Nhà nước với tư cách là chủ sở hữu

Nước ta đang quá độ sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nếu Nhà nước không giữ một lực lượng kinh tế hùng mạnh (trong đó doanh nghiệp nhà nước là một bộ phận) giữ vai trò phân phối một bộ phận tài nguyên quốc gia và ổn định kinh tế (nhất là kinh tế vĩ mô), thì hệ thống kinh tế đất nước không thể vận động hài hoà được; sự điều khiển kinh tế – xã hội theo định hướng của Nhà nước khó mà thực hiện. Nhưng nếu giữ quốc doanh bằng mọi giá, cũng không thể được và không phù hợp với xu hướng hội nhập.

Để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước, cần thực hiện một số giải pháp sau đây:

Một là: Quyết tâm thực hiện cải cách doanh nghiệp nhà nước, trên cơ sở kết quả của sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp nhà nước thời gian qua và kiên quyết sắp xếp lại theo tinh thần Nghị quyết Đại hội X của Đảng, trong đó phải coi cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước là trung tâm như đã phân tích ở mục 3 phần II của chuyên đề này, đồng thời tiến hành cải cách theo chiều sâu đối với doanh nghiệp nhà nước trên mấy phương diện sau:

- Cải cách thể chế kinh doanh theo hướng nâng cao quyền tự chủ (thực sự) kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Chấm dứt tình trạng chờ đợi, doanh nghiệp nhìn lên Chính phủ (hoặc cơ quan chủ quản) và cơ quan chủ quản cầm tay, chỉ việc cho doanh nghiệp. Thị trường, lợi nhuận phải là mục tiêu hướng tới của doanh nghiệp.

- Cải cách cơ chế quản lý tài chính tại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, lấy hiệu quả kinh doanh trên vốn làm trọng tâm, chứ không phải theo nguyên tắc bảo toàn vốn. Hiệu quả được tính theo chu kỳ kinh doanh, chứ không phải theo năm kế hoạch, cho phép doanh nghiệp hạch toán “lãi để dành” chứ không phải lãi thì nộp, lỗ thì quy trách nhiệm. Theo đó, gắn chế độ, quyền lợi và trách nhiệm của người đứng đầu doanh nghiệp với kết quả kinh doanh (nên áp dụng cả phương án thuê giám đốc, thế chấp đối với giám đốc doanh nghiệp).

- Làm rõ quyền tài sản trong doanh nghiệp. Nhất là quyền sở hữu và quyền sử dụng, theo đó, cần quy định rõ quyền kiểm soát tài sản của chủ sở hữu với quyền tự

chủ gắn với trách nhiệm và lợi ích của lãnh đạo và người lao động tại doanh nghiệp trên cơ sở hiệu quả. Xác định rõ ai là chủ đích thực của doanh nghiệp nhà nước? Nếu không sớm khắc phục tình trạng “chủ hờ”, thì dễ xảy ra tiêu cực nhiều hơn tích cực.

Hai là: Nghiên cứu ban hành cơ chế chính sách tuyển chọn lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước (đây vẫn là khâu ách tắc nhất hiện nay) sao cho người có tài, có đức, có chuyên môn có “đất” để “dụng võ” thể hiện tài năng làm lợi cho doanh nghiệp, cho đất nước và cá nhân. Hạn chế, tiến tới chấm dứt lựa chọn “vây cánh”, “cánh hẩu”, hoặc người “tròn” để bảo.

Nghiên cứu sửa quy chế thực hiện dân chủ, quy chế lấy phiếu tín nhiệm hiện nay (làm sao tránh được tình trạng do lợi ích cục bộ, cánh hẩu, hữu khuynh, theo đuôi quần chúng mà có số phiếu tín nhiệm ở cơ sở cao), sao cho vừa đảm bảo dân chủ thực sự (càng dân chủ cao càng dễ tìm được người tài đức), vừa tạo điều kiện để người đứng đầu dám quyết đoán, dám chịu trách nhiệm và phải chịu trách nhiệm bằng những chế tài công khai, minh bạch.

Ba là: Chính phủ đưa ra các mô hình tổ chức doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhà nước lựa chọn phù hợp với quy mô, năng lực quản lý, năng lực kinh doanh của doanh nghiệp là chính. Mặt khác, cùng với việc đưa chính sách tạo ra một hệ thống doanh nghiệp hiện đại, đáp ứng yêu cầu hội nhập thì kiên quyết tổ chức lại để trong hệ thống đó, doanh nghiệp nhà nước phải đi đầu với nhiều tập đoàn kinh tế mạnh. Đó là các tập đoàn đa sở hữu do Nhà nước giữ cổ phần chi phối, đảm bảo đủ sức giữ vai trò phân phối một bộ phận tài nguyên quốc gia, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô; xóa bỏ được quan hệ theo cấp hành chính của doanh nghiệp nhà nước, đừng để rơi vào tình trạng “đổi mới giả”, “bình mới rượu cũ”.

Bốn là: Với doanh nghiệp nhà nước (trừ lĩnh vực an ninh, quốc phòng nhạy cảm), cuối 2006, sẽ có khoảng hơn 90 tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ – công ty con, mà ở đó công ty con hầu hết là công ty cổ phần, một số ít là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nhà nước 100% vốn. Khi mô hình được vận hành ổn định, cần chủ động phương án lựa chọn phần lớn công ty mẹ để cổ phần hoá, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Trong những năm tới, Chính phủ chỉ nên nắm giữ các tập đoàn và các tổng công ty hoạt động hiệu quả, có vai trò nắm giữ, phân phối một bộ phận tài nguyên quốc gia, và phải thực sự là “quả đấm mạnh” trong thị trường trên nguyên tắc đa sở hữu. Trong 83 tổng công ty 90 (65 tổng công ty thuộc bộ cộng 18 tổng công ty thuộc tỉnh, thành phố), cần soát xét để có bước tổ chức lại và thực hiện cổ phần hoá công ty mẹ.

Năm là: Một lần nữa, Chính phủ cần tập trung giúp doanh nghiệp nhà nước xử lý những vấn đề còn tồn tại (có thể nói là gánh nặng) do lịch sử để lại như lao động thiếu

chuyên môn, dồi dư; vấn đề nợ xấu tại doanh nghiệp và cả vốn đầu tư ODA, mà trong đó chứa đầy yếu tố bất hợp lý, nhất là về giá. Nếu không giải quyết triệt để những vấn đề này, thì doanh nghiệp nhà nước khó có cơ hội để hiện đại hoá doanh nghiệp, kịp chủ động trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Sáu là: Phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường, trong đó đẩy nhanh quá trình phát triển thị trường dịch vụ tài chính, thị trường lao động, thị trường bất động sản. Đây là môi trường trực tiếp giúp doanh nghiệp chuyển cơ chế kinh doanh, thúc đẩy doanh nghiệp nhà nước nâng cao sức cạnh tranh.

Bảy là: Cải cách hành chính hướng tới mục tiêu phục vụ doanh nghiệp:

- Trong cải cách hành chính, bên cạnh những thành tựu đạt được, thì sự ỳ ạch của quá trình này cho thấy, không chỉ là năng lực trong thực thi công cuộc cải cách, mà cái chính còn ở ý chí cải cách của hệ thống chính trị, của cả bộ máy. Quản được đến đâu mở đến đó? Hay là với một Chính phủ đã hơn 60 năm cầm quyền với không ít kinh nghiệm, đặc biệt kinh nghiệm 20 năm đổi mới, cần mạnh dạn. Về kinh tế, tốt nhất là tiên lượng “vấn đề” để định “chính sách quản” cùng với “mở” mạnh hơn theo yêu cầu phát triển đất nước.

Yếu tố rất quan trọng nữa là cải cách hành chính không chỉ ở khâu Nhà nước, mà cả hệ thống Đảng, đoàn thể, nhất là hệ thống Đảng. Không ít lãnh đạo doanh nghiệp phản nản rằng, sự phát triển doanh nghiệp của họ gặp khó khăn ngay cả ở tổ chức Đảng cơ sở chậm đổi mới phương thức, nội dung lãnh đạo, hoặc là gặp phải những mắc mứu ở ngay tổ chức Đảng tại doanh nghiệp hoặc là tổ chức Đảng ở cấp hành chính, địa bàn họ đứng chân.

- Đảng, Chính phủ chăm lo xây dựng phẩm chất và có cơ chế kiểm soát đội ngũ cán bộ làm công tác thuế vụ, hải quan, quản lý thị trường, cảnh sát giao thông... nghĩa là những đối tượng trực tiếp với doanh nghiệp. Đây là lực lượng bị doanh nghiệp ca thán nhiều nhất, làm tăng chi phí cho doanh nghiệp nhiều nhất.

Tám là: Làm rõ mối quan hệ Đảng lãnh đạo trong doanh nghiệp nhà nước, Nhà nước với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước với người lao động tại doanh nghiệp.

Theo chúng tôi, với tư cách là chủ sở hữu doanh nghiệp nhà nước (100% vốn), thì Nhà nước thực hiện quyền kiểm soát tài sản của Nhà nước tại doanh nghiệp và tạo môi trường pháp lý để doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả theo định hướng của Nhà nước, giảm thiểu và tiến tới chấm dứt tình trạng “điều hành doanh nghiệp”.

Đảng trong doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện quyền lãnh đạo với mục tiêu phát triển doanh nghiệp, tạo được quy chế tranh cử vị trí lãnh đạo trong Đảng để thực

hiện quyền điều hành doanh nghiệp, tránh cơ chế “cơ cấu đồng chí giám đốc hay phó giám đốc làm bí thư hoặc phó bí thư Đảng”. Có biện pháp xử lý và tránh trùng lặp trong chức năng, nhiệm vụ của chỉ uỷ, Đảng uỷ với Hội đồng quản trị công ty, tổng công ty. Nơi nào có hội đồng quản trị nhất thiết bí thư Đảng phải làm chủ tịch.

Xây dựng Quy chế thực hiện dân chủ trong doanh nghiệp nhà nước phải đạt được yêu cầu dân chủ thực sự, dân chủ với người lao động gắn với dân chủ tập thể; làm sáng tỏ mối quan hệ nghĩa vụ, trách nhiệm của người lao động đối với doanh nghiệp và với lãnh đạo doanh nghiệp. Xoá được quan niệm “bình đẳng” đồng nghĩa với “bằng đẳng”, và cần tạo được “mái ấm gia đình” trong doanh nghiệp.

Chín là: Vấn đề bỏ cơ chế chủ quản. Có thể khẳng định được rằng do điều kiện thực tế của hệ thống luật pháp ở nước ta chứ không phải là thói quen hay là sự ham muốn chủ quản. Trong vòng dăm năm tới, chưa thể bỏ được chủ quản và nói cho cùng doanh nghiệp nào cũng cần chủ quản, ngay doanh nghiệp tư nhân thì cũng do chính chủ tư nhân đó chủ quản. Vấn đề là, làm rõ cái quyền gắn liền với trách nhiệm của người chủ quản. Đến cuối năm 2006, khi tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn đi vào hoạt động ổn định, thì cơ chế chủ quản ở cấp tỉnh về cơ bản coi như không có nữa. Chỉ còn lại 5 tỉnh, thành phố có tổng công ty thì họ còn là chủ quản, đó là: Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh, Hà Tĩnh, Khánh Hoà, Đồng Nai, hơn 80 tổng công ty, tập đoàn thuộc Trung ương quản lý. Hiện nay chỉ có 18 tổng công ty “91” Thủ tướng trực tiếp quản một số khâu quyết định như: Quyết định thành lập, giải thể, nhân sự chủ chốt (hội đồng quản trị), chiến lược kinh doanh, còn lại là thuộc các bộ. Sau khi có Nghị định 132, ngày 20 tháng 10 năm 2005, sự phân công, phân cấp rõ hơn nhiều, nhưng sự lỏng lẻo thì vẫn chưa giảm.

Chính phủ đang xây dựng Nghị định để cụ thể hoá Luật Doanh nghiệp (2005) có hiệu lực từ 1/7/2006. Đối với doanh nghiệp nhà nước, cái chính là tập trung làm rõ chủ quản trong 101 tổng công ty (kể cả tập đoàn) là chính. Theo đó cần xác định đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại các tập đoàn, tổng công ty ấy có phải là chủ thật của doanh nghiệp chưa? Bộ quản thì có hơn được họ tự quản không?. Hay là lại làm cái “bình phong” để rồi khi quy trách nhiệm “chung cả làng” khi có những thiếu sót xảy ra? Không ít lãnh đạo các tổng công ty đang lo sợ cơ chế còn nhiều điều lúng củng hiện nay, nên cũng muốn tìm cách đẩy lên trên ký hộ theo đề nghị của mình, thà chậm một chút nhưng an toàn cho bản thân. Nhiều người thì khó chịu bởi sự hành hạ của các vụ tham mưu (ngay Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng không phải có thể dễ dàng làm việc với lãnh đạo bộ, kể cả những ông do Thủ tướng bổ nhiệm), nhưng cũng khó mà làm gì khác được trong “bầu trời chung” ấy. Đây cũng là những “nút thắt” cần được tháo gỡ càng sớm – càng tốt, theo hướng giao quyền trực tiếp cho Hội đồng

quản trị - người đại diện trực tiếp chủ sở hữu tại doanh nghiệp. Thủ tướng (hoặc Bộ trưởng) ngoài quyền quyết định thành lập và giải thể chỉ nắm chắc, trực tiếp tập thể Hội đồng quản trị, quyết định chiến lược kinh doanh và cơ chế khung phân phối lợi nhuận và chủ trương đầu tư.

2.2- Đối với doanh nghiệp

Hiện nay, Chính phủ đã công khai các ngành, các lĩnh vực được ưu tiên phát triển. Sắp tới sẽ công khai lộ trình hội nhập, nhất là lộ trình thuế. Vì vậy, các doanh nghiệp cần nắm chắc những nội dung đó để định hướng chiến lược phát triển cho doanh nghiệp. Doanh nghiệp phải tự xác định được lợi thế và thách thức đối với chính mình trong quá trình đó để trên cơ sở đó:

- Tổ chức lại sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng suất lao động và hạ giá thành sản phẩm, tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hạ, nhưng mẫu mã phải phù hợp với sở thích người tiêu dùng, theo tập quán từng vùng, từng dân tộc, từng quốc gia là quyết định sự sống còn của doanh nghiệp. Mục tiêu phải đứng được trên sân nhà và đủ sức cạnh tranh khi Việt Nam là thành viên chính thức của WTO

- Nắm chắc thông tin thị trường, có giải pháp xử lý và dự báo tốt. Nắm được thông tin đã khó, nhưng biết tổ chức để xử lý thông tin, dự báo và ra quyết định đúng, kịp thời lại còn khó hơn. Nó đòi hỏi doanh nghiệp phải biết tổ chức kênh từ xa đến gần và từ gần đến xa. Đội ngũ cán bộ phải tinh, nhạy, có trình độ ngoại ngữ và tin học mới đáp ứng được.

- Tiếp thị và quảng cáo đang dần thành thói quen đối với doanh nghiệp và người tiêu dùng. Điều này chỉ tốt khi tổ chức mạng lưới phân phối tốt và xây dựng được thương hiệu. Thương hiệu bao giờ cũng gắn với chất lượng - công nghệ - mẫu mã. Phải bằng nhiều năm, nhiều đời (tuổi đời của doanh nghiệp), cũng như các mối quan hệ làm ăn với các tập đoàn lớn trên thế giới.... Có như vậy thương hiệu mới đi vào lòng người tiêu dùng được. Điều đáng lo ngại là các doanh nghiệp Việt Nam chưa chăm lo xây dựng thương hiệu.

- Doanh nghiệp nhà nước phải kiên quyết, kiên trì một quá trình đổi mới, cải cách tiếp theo, mà theo đó là cải cách thể chế kinh doanh, chế tài tài chính, cơ chế tuyển dụng lao động và lãnh đạo, nâng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Đẩy nhanh quá trình cổ phần hoá là giải pháp cơ bản đáp ứng được nhiều yêu cầu trên.

- Cùng với phát triển nhanh các doanh nghiệp vừa và nhỏ, phải thúc đẩy liên kết để hình thành những tập đoàn kinh tế theo yêu cầu của cạnh tranh, thoát ly yêu cầu nâng cấp, nâng hạng doanh nghiệp. Chẳng hạn, Công ty sữa Việt Nam (Vinamilk) trên giấy tờ Nhà nước là một công ty, nhưng quy mô tính chất hoạt động, chế độ sở

hữu thực sự nó là một tập đoàn sữa Việt Nam. doanh nghiệp nhà nước hãy đi vào thực chất để đảm bảo sự lớn mạnh tự mình. Chính phủ cần tác động để có những tập đoàn kinh doanh đa sở hữu, ngoài những tập đoàn không có vốn góp của Nhà nước, phải có những tập đoàn mà Nhà nước giữ cổ phần chi phối, trên cơ sở lựa chọn những tổng công ty hạt nhân làm nòng cốt.

- Cần có bước chỉnh trang doanh nghiệp nhà nước theo hướng doanh nghiệp hiện đại. Trong thời đại ngày nay, tăng tốc độ chứ không chỉ là quy mô, tăng hàm lượng chất xám chứ không chỉ tăng kinh nghiệm, tăng nguyên liệu. Đối với Việt Nam, lại cần chú ý tăng hàm lượng quốc gia, không chỉ trong từng sản phẩm, mà ngay cả trong từng doanh nghiệp. Quá trình chỉnh trang doanh nghiệp là quá trình xây dựng văn hoá doanh nghiệp, văn hóa kinh doanh.

LỜI KẾT

Cải cách, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước là yêu cầu cấp thiết, không chỉ do sức ép của quá trình hội nhập kinh tế thế giới, mà do đòi hỏi từ chính quá trình chuyển nền kinh tế từ tập trung quan liêu bao cấp sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa để phát triển đất nước, chống tụt hậu xa hơn về kinh tế.

Kinh tế Nhà nước có giữ được vai trò chủ đạo hay không, Nhà nước có đảm bảo được định hướng hay không? Thậm chí là cả uy tín của Đảng và Chính phủ, cũng phụ thuộc rất nhiều vào thành công hay thất bại trong đổi mới doanh nghiệp nhà nước. Quá trình đã qua là “vừa đi vừa dò”, kinh nghiệm còn chưa nhiều, nhưng chúng ta cũng đã thu được nhiều thành công bước đầu, tuy chậm nhưng chắc.

Thời gian tới, đổi mới doanh nghiệp nhà nước đi vào sâu hơn, chuyển doanh nghiệp nhà nước sang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có hiệu lực từ 1/7/2006 là yêu cầu bắt buộc, đồng thời thách thức cũng lớn hơn. Đây là nhiệm vụ quan trọng của Đảng và Nhà nước. Nhưng phải làm cho doanh nghiệp nhà nước nhận thức được trách nhiệm của họ, mà trước hết là vì lợi ích, sự sống còn của chính doanh nghiệp. Tạo ra sự đồng thuận và quyết tâm thì nhất định thành công. Hy vọng rằng, không bao lâu nữa, nhiều sản phẩm mang thương hiệu Việt Nam, chứa đựng nhiều hàm lượng quốc gia - Việt Nam sẽ có mặt trên thế giới, trong ngôi nhà chung WTO, do chính những doanh nghiệp Việt Nam đem tới, trong đó có sự đóng góp to lớn của các doanh nghiệp Nhà nước./.